

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2018/HS-ST
Ngày 12-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Đoàn Khắc Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh H; thường trú: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh H; nghề nghiệp: thợ thạch cao; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đoàn Khắc Th, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T, sinh năm 1970 (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến nay. Bị cáo có mặt.

2/ Nguyễn Hoài N, sinh năm 1996 tỉnh H; thường trú: Xóm 7, xã B, huyện K, tỉnh H. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn : 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1970 và bà Lê Thị H, sinh năm 1970; vợ tên: Phạm Thị Q, sinh năm 1991, bị cáo có 01 con sinh ngày 04/5/2018. Bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Chị Võ Thị N, sinh năm 1996, địa chỉ: Hẻm 116, đường 17, phường T, quận Đ, thành phố H. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hoàng Ngọc L, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 49/7A khu phố Đ 4, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Lê Thị H, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện K, tỉnh H. Có mặt.
3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện K, tỉnh H. Vắng mặt.
4. Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện K, tỉnh H. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Tuấn K, sinh năm 1986, địa chỉ: Số 1/12 khu phố L 2, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.
2. Nguyễn Quốc H, sinh năm 1996, địa chỉ: Số 33/26A khu phố Đ 4, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Khắc Đ và Nguyễn Hoài N là bạn bè cùng quê và cùng thuê dãy nhà trọ số 520/20 khu phố Đ 4, phường A, thị xã D, tỉnh B. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/01/2018, Đ rủ N đi tìm tài sản xe gắn máy của người dân để sơ hở để chiếm đoạt bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Lúc này Đ lấy 01 cây đoản dùi để bẻ khóa xe bỏ vào túi quần. N điều khiển xe máy biển số 47M1- 128.94 chở Đ từ phòng trọ của Đ đi vào khu Trung tâm hành chính thị xã D, tỉnh B tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi N điều khiển xe chở Đ đến trước nhà số 19, đường 19, khu phố N2, phường A, thị xã D, tỉnh B thì phát hiện chị Võ Thị N đang ngồi trên xe bên đường ngược chiều đi của N và Đ, trên tay của chị N đang cầm bấm điện thoại di động, thấy vậy Đ kêu N điều khiển xe vượt lên phía trước quan sát xem có người hay không để quay lại giật điện thoại của chị N. N điều khiển xe vượt lên phía trước thì không nhìn thấy ai nên vòng xe lại điều khiển xe áp sát phía bên trái của chị N còn Đ ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại của chị N. Giật được điện thoại thì N tăng ga bỏ chạy, bị giật điện thoại chị N nổ máy đuổi theo đồng thời tri hô “cướp, cướp”, khi chị N đuổi đến đoạn đường Nguyễn Tri P thì cho xe dừng vào xe của N và Đ, chị N bị té nhưng N và Đ vẫn tiếp tục bỏ chạy. Lúc này lực lượng tuần tra nghe tiếng tri hô nên đuổi theo N và Đ đến trước cổng Bệnh viện Q4 thì bắt được Đ và N cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe máy hiệu Nouvo biển số 47M1 – 128.94; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 4 màu xám (điện thoại do Đ và N chiếm đoạt của chị N); 01 cây đoản bằng kim loại.

Theo kết luận định giá số 08/BB.ĐG ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá thị xã D, tỉnh B xác định tài sản chiếm đoạt là điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 4 màu xám của chị Võ Thị N tại thời điểm chiếm đoạt trị giá là 2.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Bị hại không còn yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe máy hiệu Nouvo biển số 47M1- 128.94, Nguyễn Hoài N mượn của chị Lê Thị H, chị H không biết N sử dụng vào việc phạm

tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị H. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cây đoản bằng kim loại.

Tại cáo trạng số: 129/CT - VKS ngày 04 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố các bị cáo Đoàn Khắc Đ và Nguyễn Hoài N về tội cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Đoàn Khắc Đ với mức hình phạt tù 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Khắc Đ và Nguyễn Hoài N xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 20 giờ ngày 04/01/2018, N điều khiển xe chở Đ đến trước nhà số 19, đường 19, khu phố Đ2, phường D, tỉnh B thì phát hiện chị Võ Thị N đang ngồi trên xe bên đường ngược chiều đi của N và Đ, trên tay của chị N đang cầm điện thoại di động, thấy vậy Đ kêu N điều khiển xe vượt lên phía trước quan sát xem có người hay không để quay lại giật điện thoại của chị N. N điều khiển xe vượt lên phía trước thì không nhìn thấy ai nên vòng xe lại điều khiển xe áp sát phía bên trái của chị N còn Đ ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại của chị N. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, hành vi của Đoàn Khắc Đ và Nguyễn Hoài N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, các bị cáo sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 129/CT - VKS ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật

bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án, bị cáo Đ là người khởi xướng và là người trực tiếp giết điện thoại. Bị cáo N tham gia với vai trò là người giúp sức.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, có nghề nghiệp ổn định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chị Võ Thị N. Chị N không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe máy hiệu Nouvo biển số 47M1- 128.94, Nguyễn Hoài N mượn của chị Lê Thị H, chị H không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp. Đối với 01 cây đoản bằng kim loại không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đoàn Khắc Đ và Nguyễn Hoài N phạm tội “cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Đoàn Khắc Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội cướp giật tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2018.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 03 (ba) năm tù về tội cướp giật tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây đoản bằng kim loại (dùng để phá khóa xe).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D với Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Đoàn Khắc Đ và Nguyễn Hoài N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D (1);
- Công an thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Sở Tư pháp tỉnh B (1);
- Bị cáo (2);
- Người tham gia tố tụng (7);
- UBND xã B, huyện K, tỉnh H (2);
- Phòng PV 27 CA tỉnh B (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh B (01);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

